Số: 765/BB-BDT
Thời gian ký: 19-09-2022 17:15:50 +07:00

Biểu 4

BẢNG SO SÁNH TỔNG KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐỒNG BÀO DTTS THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 4212/QĐ-UBND SO VỚI KINH PHÍ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI

Đơn vị: triệu đồng

STT	Huyện	Kinh phí thực hiện theo Quyết định 4212/QĐ-UBND				Kinh phí thực hiện theo đề nghị sửa đổi				So sánh giữa KP đề nghị sửa đổi với KP theo QĐ 4212
		Tổng số	Cấp muối I ốt	Hỗ trợ học sinh đi học	Hỗ trợ tiền điện (Dầu hoả)	**Tổng số**	Cấp muối I ốt	Hỗ trợ học sinh đi học	Lúa lai	
	Tổng số	***19.219,39***	***154,05***	***19.065,34***	***196,00***	***31.385,99***	***154,05***	***25.439,32***	***5.792,62***	***12.166,60***
1	Huyện An Lão	**4.681,52**	44,97	4.636,55		**8.774,90**	44,97	6.437,45	2.292,48	4.093,38
2	Huyện Vĩnh Thạnh	**5.464,84**	39,27	5.425,57		**8.836,37**	39,27	7.486,39	1.310,71	3.371,53
3	Huyện Vân Canh	**5.412,26**	47,94	5.364,32		**8.518,85**	47,94	7.162,34	1.308,57	3.106,59
4	Huyện Hoài Ân	**2.664,07**	14,43	2.649,65		**3.877,62**	14,43	3.174,53	688,67	1.213,55
5	Huyện Tây Sơn	**823,75**	7,04	816,71		**1.192,06**	7,04	1.001,75	183,27	368,31
6	Huyện Phù Cát	**172,94**	0,41	172,54		**186,18**	0,41	176,86	8,92	13,24